

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Đê điều**

Thực hiện Văn bản số 5091/BNN-TCTL ngày 20/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Đê điều; sau khi giao các sở, ngành, địa phương tổng kết, đánh giá và báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1326/SNN-TL ngày 22/7/2016, UBND tỉnh Hà Tĩnh báo cáo kết quả như sau:

**I. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG ĐÊ ĐIỀU TỈNH HÀ TĨNH**

Hà Tĩnh có 32 tuyến đê, với chiều dài 317,6km (trong đó đê La Giang là đê cấp II dài 19,2km, còn lại 31 tuyến đê cấp IV, cấp V với chiều dài 298,4km). Hệ thống đê điều được phân theo các hệ thống sông cụ thể như sau:

- Hệ thống sông La - Lam: Có hệ thống đê bảo vệ với chiều dài 73,33km, bao gồm các tuyến: Đê Tân Long (huyện Hương Sơn); đê La Giang (huyện Đức Thọ và thị xã Hồng Lĩnh); đê Trường Sơn, đê Rú Trí (huyện Đức Thọ); đê Lỗ Lò (huyện Vũ Quang); các đê: Hữu Lam, Hội Thống, Bàu Dài, Đá Bạc - Đại Đồng, Song Nam, Thường Kiệt và Đồng Cói (huyện Nghi Xuân).

- Hệ thống sông Nghèn: Có hệ thống đê bảo vệ với chiều dài 145km, bao gồm các tuyến đê: Đê Tả Nghèn (các huyện: Can Lộc, Lộc Hà); đê Hữu Nghèn (các huyện: Can Lộc, Thạch Hà); đê Hữu Phú (huyện Thạch Hà và thành phố Hà Tĩnh); các đê Đồng Môn, Trung Linh và Cầu Phú - Cầu Núi (thành phố Hà Tĩnh).

- Hệ thống sông Rác: Có hệ thống đê bảo vệ với chiều dài 40,54km, bao gồm các tuyến đê: Các đê: Cẩm Trung, Cẩm Lĩnh, Lộc - Hà, Phúc - Long - Nhượng, 19/5, đê kè Cẩm Nhượng (huyện Cẩm Xuyên).

- Hệ thống sông Trí, sông Quyền: Có hệ thống đê bảo vệ với chiều dài 58,7km, bao gồm các tuyến đê: Kỳ Thọ, Hải - Hà - Thư; Hoàng Đình; Hoà Lộc; Khang Ninh, Minh Đức (huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh).

**II. KẾT QUẢ SAU 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT ĐÊ ĐIỀU**

**1. Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật**

Để triển khai thực hiện Luật Đê điều trên địa bàn tỉnh có hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; sau khi Luật Đê điều có hiệu lực, UBND tỉnh đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng và ban hành một số quy định về lĩnh vực quản lý đê điều trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân.

- Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 của UBND tỉnh ban hành quy định phân loại đê và hành lang bảo vệ đê đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V của tỉnh.

- Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chế độ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## **2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đê điều**

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đê điều được UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, chú trọng. Ngay sau khi Luật Đê điều có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo, giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung Luật Đê điều trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì chịu trách nhiệm biên soạn nội dung tuyên truyền và phối hợp với các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Hà Tĩnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về đê điều qua nhiều kênh, như: Phát thông tin qua hệ thống loa truyền thanh xã, các phóng sự truyền hình, kết hợp với các lễ hội, các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại các địa phương...

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng quản lý đê nhân dân về các quy định của Luật Đê điều, văn bản hướng dẫn, quy trình tuần tra canh gác, xử lý sự cố giờ đầu...

- Chi cục Thủy lợi tổ chức in ấn, cấp phát tài liệu cho các địa phương, các ngành liên quan, gồm: Luật Đê điều, các Nghị định hướng dẫn; các Quyết định của UBND tỉnh, các pano, áp phích và hơn 14.000 tờ rơi quy định về các điều cấm của Luật Đê điều.

## **3. Xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch**

### **a) Xây dựng Quy hoạch:**

Theo quy định của Luật Đê điều thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng 02 Quy hoạch, gồm: Quy hoạch Phòng chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê và Quy hoạch đê điều. Kết quả triển khai đến nay như sau:

- Hà Tĩnh đã tổ chức lập và phê duyệt Quy hoạch Phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

(Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 159/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015).

- Quy hoạch đề điều: Sau khi Quy hoạch Phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đề được duyệt, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức triển khai lập Quy hoạch đề điều tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, định hướng 2030; dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2017.

b) Quản lý Quy hoạch:

- Công bố Quy hoạch: Tỉnh đã tổ chức công bố Quy hoạch Phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đề tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đến tận các địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan theo đúng quy định.

- Triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 747/KH-UBND ngày 31/12/2015 về việc triển khai một số nhiệm vụ thực hiện Quy hoạch Phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đề tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030, phân giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương trong công tác triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch được duyệt; các đơn vị, địa phương theo chức năng nhiệm vụ đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm được giao trong quản lý quy hoạch, đồng thời hướng dẫn các cá nhân, tổ chức có liên quan thực hiện các nội dung của quy hoạch được duyệt. Bước đầu đánh giá công tác quản lý quy hoạch đạt kết quả tốt.

#### **4. Đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đề điều**

- Chương trình nâng cấp đề sông: Thực hiện Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay Hà Tĩnh đã lập và phê duyệt được 05 dự án; trong đó có 04 dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với tổng chiều dài 17,3km, bao gồm: 6,8km đề Hữu Nghèn, huyện Can Lộc; 0,5km đề Rú Tý, huyện Đức Thọ; 2,8km đề sông Nghèn, huyện Can Lộc; 7,2km đề Hữu Lam, huyện Nghi Xuân. Có 01 dự án đang thực hiện: Dự án nâng cấp đề La Giang, huyện Đức Thọ (đã hoàn thành được 5,2km).

- Chương trình nâng cấp đề biển: Thực hiện Chương trình Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đề biển tại các tỉnh có đề từ Quảng Ninh đến Quảng Nam, từ năm 2006 đến nay Hà Tĩnh đã củng cố và nâng cấp được 161km đề biển, đề cửa sông xung yếu đảm bảo tiêu chuẩn chống đỡ với bão cấp 10 tần suất triều  $P=5\%$ ; kinh phí ước tính thực hiện là 1.717 tỷ đồng; trong đó:

+ Có 23 dự án đã đầu tư xây dựng hoàn thành, với 68 km chiều dài đề, kè, 48 cống dưới đê; 101ha cây chắn sóng; kinh phí thực hiện 605 tỷ đồng.

+ Có 15 dự án đang triển khai thi công dở dang, với chiều dài 129km, tổng mức đầu tư được duyệt 1.936 tỷ đồng; đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành được 93/129km đề, kè; xây dựng được 74 cống tiêu thoát lũ dưới đê; nguồn vốn đã đầu tư 1.112 tỷ đồng.

## **5. Kết quả hoạt động về quản lý, bảo vệ và sử dụng đê điều**

- Công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng đê điều được quản lý tương đối chặt chẽ, đúng các quy định của pháp luật. Trong thời gian qua không có các vụ vi phạm nghiêm trọng xảy ra, chủ yếu là các vụ vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ đê để làm hàng rào, mái che và vứt rác thải lên thân, mái đê; các hành vi vi phạm đã được các đơn vị, địa phương quản lý lập biên bản, nhắc nhở, tuyên truyền đối tượng vi phạm tự tháo dỡ, khắc phục.

- Việc quản lý, sử dụng bãi sông: Công tác cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều được quan tâm, tất cả các hoạt động có liên quan đến bãi sông, cấp phép đều phải có ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Để tăng cường công tác quản lý, bảo vệ an toàn hệ thống đê điều, hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật về đê điều, triển khai thực hiện phong trào thi đua xây dựng tuyến đê kiểu mẫu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát động, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 08/7/2016 về triển khai phong trào thi đua xây dựng đê kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện phong trào.

## **6. Công tác hộ đê**

Công tác hộ đê thực hiện theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh (trước đây là Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 và Quyết định số 733/QĐ-UB-NL<sub>2</sub> ngày 09/4/2000 của UBND tỉnh) về quy định một số nội dung về công tác Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

- Đối với tuyến đê La Giang (đê cấp II) là trọng điểm Phòng, chống lụt bão của tỉnh, hàng năm UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai công trình đê La Giang, do 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban để điều hành công tác hộ đê La Giang theo phương án hộ đê La Giang được UBND tỉnh phê duyệt.

- Các tuyến đê cấp IV, cấp V còn lại trên địa bàn các địa phương, UBND tỉnh đã giao cho UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng phương án hộ đê và chủ động trong công tác chỉ huy điều hành, huy động vật tư, nhân lực, phương tiện để hộ đê trong mùa mưa, bão; trường hợp vượt quá khả năng xử lý của huyện, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh huy động nhân lực, phương tiện, vật tư hỗ trợ.

## **7. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật về đê điều**

Để tổ chức ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều có hiệu quả, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố, thị xã có đê tổ chức triển khai lực lượng quản lý đê chuyên trách (Hạt Quản lý đê La Giang), lực lượng quản lý đê nhân dân thường xuyên bám địa bàn, bám

tuyên tiến hành kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm ngay từ khi mới phát sinh. Trường hợp các vụ vi phạm kéo dài, phức tạp phải củng cố hồ sơ báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT trực tiếp chỉ đạo xử lý dứt điểm. Tổng hợp tình hình vi phạm pháp luật về Đê điều từ 2007 đến nay như sau:

- Trên tuyến đê La Giang (đê cấp II), từ năm 2007 đến nay đã xảy ra 144 vụ vi phạm pháp luật về đê điều, đã xử lý 132 vụ, còn tồn đọng 12 vụ chưa xử lý (năm 2013: 1 vụ; 2014: 03 vụ; 2015: 08 vụ).

- Tại các tuyến đê cấp IV, cấp V do UBND cấp huyện quản lý: Tình trạng vi phạm hành lang đê vẫn còn xảy ra, trong những năm qua đã xử lý được 328 vụ, còn 392 vụ vi phạm hành lang bảo vệ đê điều chưa được xử lý, chủ yếu là do lịch sử để lại, như xây dựng lều quán, hàng rào, ki ốt kinh doanh và một số vụ phát sinh mới đào ao nuôi trồng thủy sản, xả rác thải trên đê...

Nguyên nhân chính của các vụ vi phạm là do các hộ dân đã sinh sống ổn định từ trước, khi đó tuyến đê còn nhỏ; sau khi được củng cố, nâng cấp, mở rộng có trường hợp đê lại lấn dân; một số hộ do cơ chế thị trường đã coi nới, xây dựng ki ốt kinh doanh trong phạm vi hành lang đê. Ngoài ra trên một số tuyến đê cấp IV, cấp V vẫn còn xảy ra hiện tượng Nhân dân tập kết rác thải ra chân và mái đê gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan và đặc biệt là tạo cơ hội phát sinh các ẩn họa, tổ mối trong thân đê gây mất an toàn cho đê khi có bão, lũ xảy ra.

### **8. Lực lượng quản lý đê điều**

- Lực lượng chuyên trách: Hà Tĩnh có tuyến đê La Giang là đê cấp II, được UBND tỉnh giao cho Chi cục Thủy lợi trực tiếp quản lý. Lực lượng quản lý đê của Hạt Quản lý đê La Giang hiện nay có 08 người (01 Hạt trưởng, 05 kiểm soát viên đê điều, 02 thủ kho) đảm nhiệm quản lý 19,2km đê.

- Lực lượng quản lý đê Nhân dân: Được tổ chức theo Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh và hướng dẫn số 268/SNN-TC ngày 01/2/2010 của Liên Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tài chính về phân cấp công tác quản lý đê điều và tổ chức lực lượng quản lý đê Nhân dân. Trên địa bàn 13/13 huyện, thành phố, thị xã đã tổ chức các tổ quản lý đê Nhân dân, với tổng cộng 197 tổ viên, lực lượng được hưởng trợ cấp bằng 1/3 mức lương cơ sở (ngân sách tỉnh: 50%, huyện: 30%, xã: 20%); tuy nhiên, vì nhiều lý do nên hiện nay lực lượng này hoạt động không thực sự hiệu quả, có nơi không còn hoạt động.

### **9. Đánh giá sự phối hợp giữa các cơ quan và tổ chức liên quan đến quản lý, bảo vệ, sử dụng và hộ đê**

Xác định được công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong quản lý, bảo vệ, sử dụng và hộ đê là hết sức quan trọng, thời gian qua UBND tỉnh đã ban hành các quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng đê điều giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan. Căn cứ các quy định của UBND

tin, các đơn vị, địa phương trên địa bàn đã triển khai thực hiện phối hợp tốt trong công tác quản lý đê điều.

Hà Tĩnh xác định công tác hộ đê là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, khi hộ đê là tất cả các cấp, các ngành phải vào cuộc dưới sự chỉ huy của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, phân công rõ ràng cụ thể trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân phụ trách.

### III. TỒN TẠI, KHÓ KHĂN

1. Về bộ máy quản lý nhà nước về đê điều trên địa bàn:

- Công chức chuyên trách công tác đê điều cấp huyện, xã: Hiện nay lực lượng này quá mỏng, đối với cấp huyện là cấp được tinh phân cấp quản lý các tuyến đê cấp IV, cấp V, nhưng cán bộ phụ trách công tác đê điều thường chỉ có mỗi huyện được 01 người có trình độ chuyên môn phù hợp, có nhiều huyện không có cán bộ chuyên môn về thủy lợi, dẫn đến khó khăn trong quản lý và bảo vệ đê điều.

- Lực lượng quản lý đê nhân dân: Mô hình quản lý đê Nhân dân đã được thành lập ở các xã có đê từ năm 2009; tuy nhiên do ngân sách các cấp của tỉnh còn gặp rất nhiều khó khăn nên chỉ bố trí chi trả thù lao cho lực lượng này ở mức 230.000đ/người/tháng, đang ở mức rất khiêm tốn so với thu nhập hiện nay, vì vậy chưa thực sự khuyến khích được người lao động, dẫn đến hiệu quả hoạt động của quản lý đê Nhân dân chưa cao.

- Lực lượng Quản lý đê chuyên trách: Hà Tĩnh có 01 Hạt quản lý đê với tổng số 08 cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý trên tuyến đê La Giang. Là lực lượng trực tiếp làm việc với các đối tượng vi phạm, tuy nhiên quyền hạn của lực lượng này theo quy định tại Điều 39 Luật Đê điều còn rất hạn chế dẫn đến việc khi tiến hành xử lý các hành vi vi phạm rất khó khăn, gặp nhiều trở ngại, hiệu lực thấp.

2. Về một số nội dung chưa cụ thể trong Luật Đê điều dẫn đến khó khăn trong quá trình xử lý của địa phương, cụ thể:

- Quy định về sử dụng bãi sông (Điều 26): Thời gian qua, trên địa bàn Hà Tĩnh có rất nhiều đơn vị xin được xây dựng bến thủy nội địa, cảng xăng dầu ở bãi sông. Theo quy định tại Điều 26 thì tại bãi sông có thể được xây dựng công trình giao thông (bao gồm bến thủy nội địa và cảng). Tuy nhiên, nảy sinh vấn đề khi xây dựng bến, cảng thì phải xây dựng cùng với kho hàng, kho đông lạnh, trạm xăng dầu, các công trình phụ trợ khác, trong khi vấn đề này không được Luật ghi rõ nên rất khó xử lý.

- Quy định về cấp phép (Điều 25) và sử dụng hành lang bảo vệ đê điều (Điều 29): Tại Điều 25 quy định trong phạm vi bảo vệ đê điều được phép xây dựng công trình đặc biệt và phải được UBND tỉnh cấp phép. Tuy nhiên, tại Điều 29 lại quy định đất trong hành lang bảo vệ đê chỉ được làm đường giao thông

hoặc trồng cây chắn sóng, lúa và cây ngắn ngày mà không quy định đối với công trình đặc biệt gây khó khăn trong việc cấp phép đối với các công trình này.

- Quy định về trình tự lập, điều chỉnh Quy hoạch đô thị: Tại Điều 17 quy định trình tự, thủ tục lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, đến nay Bộ vẫn chưa có hướng dẫn, do vậy công tác lập, thẩm định quy hoạch đô thị ở địa phương gặp rất nhiều vướng mắc.

- Tại khoản 6, Điều 42 quy định “Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình ở bãi sông quy định tại Điều 26 của Luật này và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng nhà ở, công trình quy định tại Điều 27 của Luật này. Tuy nhiên đến nay, Bộ Xây dựng vẫn chưa có hướng dẫn nên việc triển khai thực hiện của địa phương còn gặp nhiều vướng mắc.

3. Một số hành vi vi phạm Luật Đô thị nhưng chưa được quy định về mức xử phạt trong Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ, dẫn đến nhiều khó khăn trong việc xử lý, như các hành vi: Đổ vật liệu xây dựng trong hành lang bảo vệ đô thị (không phải chất thải), triển khai các hoạt động liên quan đến đô thị nhưng chưa được cấp phép theo quy định tại Điều 25.

4. Hiện nay có một số công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ đô thị do lịch sử để lại, yêu cầu phải di dời trong khi đó kinh phí của địa phương rất khó khăn nên chưa thể di dời các công trình này ra khỏi phạm vi bảo vệ đô thị theo đúng các quy định của Luật Đô thị.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Qua kết quả 10 năm triển khai thực hiện Luật Đô thị và một số tồn tại khó khăn như trên, UBND tỉnh Hà Tĩnh có một số đề xuất, kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

1. Tổ chức rà soát, nghiên cứu các quy định chưa cụ thể hoặc chưa được quy định có xảy ra trên thực tế như đã nêu ở trên để kịp thời bổ sung hoàn chỉnh, có hướng dẫn chi tiết giúp địa phương trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về đô thị.

2. Xem xét tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả việc xây dựng mô hình lực lượng quản lý đô thị Nhân dân tại các địa phương thời gian qua để rút ra các bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức, hướng dẫn địa phương các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong công tác quản lý đô thị Nhân dân.

3. Nghiên cứu bổ sung quyền hạn cho lực lượng quản lý đô thị chuyên trách để hiệu lực, hiệu quả hơn trong quá trình thực thi công vụ (có thể quy định như quyền hạn của lực lượng Kiểm lâm, Quản lý thị trường...); đồng thời có các chế độ chính sách ưu tiên dành cho lực lượng này để khuyến khích, động viên trong quá trình công tác, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ đô thị.

4. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho các lực lượng làm công tác quản lý, bảo vệ đê điều ở các cấp để nâng cao năng lực đội ngũ, đáp ứng với yêu cầu công việc.

5. Đối với số công trình, nhà ở nằm trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông do lịch sử để lại, theo quy định phải di dời, trong khi đó kinh phí của địa phương rất khó khăn không thể triển khai thực hiện. Đề nghị Bộ báo cáo Chính phủ có chương trình di dời công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều và bãi sông và hỗ trợ địa phương kinh phí để triển khai thực hiện.

6. Hệ thống đê Hà Tĩnh thời gian qua đã được Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương quan tâm đầu tư, tu bổ, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tế, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay. Vì vậy đề nghị Bộ tiếp tục quan tâm, giúp Hà Tĩnh đầu tư nâng cấp để khép kín hệ thống đê trên địa bàn, đặc biệt là các tuyến đê xung yếu như đê biển Thạch Kim, Thạch Bằng; đê biển Kỳ Ninh; đê biển huyện Nghi Xuân... để tăng cường khả năng ứng phó với bão lũ, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

7. Có cơ chế hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng sau đầu tư đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V trên địa bàn các địa phương có khó khăn về ngân sách, không có khả năng bố trí kinh phí thực hiện duy tu, sửa chữa hạn chế xuống cấp.

Trên đây là Báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Luật Đê điều trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, UBND tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh, Phó VP/UB (theo dõi NL);
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, NL<sub>1</sub>.
- Gửi:
- + Bản giấy: Các TP không nhận VB điện tử.
- + Bản điện tử: Các TP còn lại.

*Ước*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Sơn**



## PHỤ LỤC

Biểu thống kê số liệu tổng kết 10 năm thi hành Luật Đê điều  
(Kèm theo Báo cáo số 258 /BC-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

### 1. Biểu số liệu thống kê cập nhập về đê

#### a) Thống kê về đê sông

Đê sông	Tổng số km hiện có	Thông tin về quyết định phê duyệt		
		Số Quyết định	Cơ quan phê duyệt	Ngày phê duyệt
Cấp đặc biệt	0			
Cấp 1	0			
Cấp 2	19,2	1009/QĐ-BNN-TCTL	Bộ Nông nghiệp và PTNT	07/5/2013
Cấp 3	0			
Cấp 4	145,3	1009/QĐ-BNN-TCTL	Bộ Nông nghiệp và PTNT	07/5/2013
Cấp 5	75,8	1009/QĐ-BNN-TCTL	Bộ Nông nghiệp và PTNT	07/5/2013
Chưa phân cấp	Không có số liệu			

#### b) Thống kê về đê cửa sông

Đê cửa sông	Tổng số km đê hiện có	Thông tin về quyết định phê duyệt		
		Số Quyết định	Cơ quan phê duyệt	Ngày phê duyệt
Cấp đặc biệt	0			
Cấp 1	0			
Cấp 2	0			
Cấp 3	0			
Cấp 4	15,6	1009/QĐ-BNN-TCTL	Bộ Nông nghiệp và PTNT	07/5/2013
Cấp 5	28,92	1009/QĐ-BNN-TCTL	Bộ Nông nghiệp và PTNT	07/5/2013
Chưa phân cấp	Không có số liệu			

#### c) Thống kê về đê bồi

Đê bồi	Tổng số km hiện có	Thông tin về quyết định phê duyệt		
		Số Quyết định	Cơ quan phê duyệt	Ngày phê duyệt
Cấp 5	0			



d) Thống kê về đê biển

Đê cửa sông	Tổng số km hiện có	Thông tin về quyết định phê duyệt		
		Số Quyết định	Cơ quan phê duyệt	Ngày phê duyệt
Cấp 1	0			
Cấp 2	0			
Cấp 3	0			
Cấp 4	22,4	1009/QĐ-BNN-TCTL	Bộ Nông nghiệp và PTNT	07/5/2013
Cấp 5	2,2	1009/QĐ-BNN-TCTL	Bộ Nông nghiệp và PTNT	07/5/2013
Chưa phân cấp	Không có số liệu			

e) Tổng chiều dài đê hiện có (tất cả các loại đê)

TT	Loại đê	Số km
1	Từ cấp III trở lên	19,2
2	Cấp IV và cấp V	296,62
3	Chưa phân cấp	Không có số liệu

2. Biểu thống kê kết quả đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đê điều giai đoạn 2007 - 2015

Nguồn vốn đầu tư và số km đê tương ứng	Từ nguồn vốn xây dựng cơ bản		Từ nguồn vốn sự nghiệp		Đầu tư xử lý khẩn cấp công trình đê điều
	Trung ương	Địa phương	Trung ương	Địa phương	
Tổng vốn đầu tư (tỷ VND)	2.615	23	18,5		6
Tương ứng với số km đê được đầu tư	183,4		19,2		0,75

3. Về phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về đê điều sau khi các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về đê điều được ban hành (Nghị định số 129/2007/NĐ-CP ngày 02/8/2007; Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013)

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
Số vụ vi phạm	78	83	81	66	79	117	94	97	35	720
Số vụ đã xử lý	35	39	25	12	25	60	34	79	19	328
Số vụ tồn đọng	43	44	56	54	54	54	59	5	4	392

**Lý do chính của các vụ tồn đọng:** Đa phần là do lịch sử để lại, các hộ dân đã sinh sống ổn định từ trước, khi đó tuyến đê còn nhỏ; sau khi được củng cố, nâng cấp, mở rộng có trường hợp đê lại lấn dân; một số hộ do cơ chế thị trường đã coi nới, xây dựng ki ốt kinh doanh trong phạm vi hành lang đê nên rất khó trong công tác xử lý vi phạm. Ngoài ra, công tác cắm mốc km đê, mốc hành lang đê và biển báo tải trọng trên một số tuyến đê chưa hoàn thành (do thiếu kinh phí) trong khi lực lượng quản lý đê tại các địa phương quá mỏng, kinh phí hỗ trợ thấp 230.000đồng/người/tháng nên hoạt động chưa có hiệu quả, chưa khuyến khích lực lượng này tham gia bảo vệ và xử lý vi phạm đê điều.

**Kết quả xử lý công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều ở bãi sông theo thống kê đến 31/12/2015:**

Kết quả xử lý công trình nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều ở bãi sông đến 31/12/2015	Đã xử lý	Không/ chưa xử lý	Tổng số
Số nhà tồn tại trước khi Luật Đê điều có hiệu lực	0	130	130
Số nhà trước đây nằm ngoài phạm vi bảo vệ đê điều nay thuộc phạm vi bảo vệ đê điều do đắp đê, tu bổ mở rộng từ sau khi Luật Đê điều có hiệu lực đến hết 31/12/2015	251	92	343
Số nhà mới xây dựng trong phạm vi bảo vệ đê điều từ khi Luật Đê điều có hiệu lực đến hết 31/12/2015	3	1	4

#### 4. Biểu thống kê về kết quả phát hiện và xử lý các sự cố công trình đê điều từng năm

Sự cố/năm		2007		2008		2009		2010		2011		2012		2013		2014		2015	
		Trong mùa mưa bão	Thời gian khác	Trong mùa mưa bão	Thời gian khác	Trong mùa mưa bão	Thời gian khác	Trong mùa mưa bão	Thời gian khác	Trong mùa mưa bão	Thời gian khác	Trong mùa mưa bão	Thời gian khác	Trong mùa mưa bão	Thời gian khác	Trong mùa mưa bão	Thời gian khác	Trong mùa mưa bão	Thời gian khác
Thảm qua thân đê	Phát hiện	4	0	2	0	4	0	7	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
	Xử lý	4	0	2	0	4	0	7	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
Thảm qua nền tạo thành mạch sủi	Phát hiện	4	0	2	0	4	0	5	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
	Xử lý	4	0	2	0	4	0	5	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
Sạt trượt	Phát hiện	0	2	1	1	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
	Xử lý	0	2	1	1	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
Sự cố công qua đê	Phát hiện	3	5	0	2	0	0	5	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1
	Xử lý	3	5	0	2	0	0	5	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1
Sự cố kè	Phát hiện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Xử lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

### 5. Biểu thống kê về lực lượng trực tiếp quản lý đê

Lực lượng quản lý đê		Số lượng	
		Nam	Nữ
Tổng số cán bộ trực tiếp quản lý đê		5	3
<i>Trong đó:</i>			
Trình độ	Đại học trở lên	4	1
	Cao đẳng		
	Trung cấp	1	1
	Công nhân KT		1
Chuyên môn	Thủy lợi	5	1
	Quản lý		
	Xây dựng		
	Khác		2
Nhiệm vụ được giao	Kiểm soát viên	5	1
	Thủ kho		2
	Kế toán		
	Khác		

### 6. Về lực lượng quản lý đê nhân dân (QLĐND)

Sau 10 năm thực hiện Luật Đê điều địa phương đã tổ chức lực lượng QLĐND.

**Bảng tổng hợp lực lượng QLĐND**

Lực lượng QLĐND	Tổng số huyện/xã có đê	Tổng số huyện/xã có tổ chức lực lượng QLĐND
Số huyện đã có tổ chức lực lượng QLĐND	13	13
Số xã đã có tổ chức lực lượng QLĐND	93	93
Số người tham gia lực lượng QLĐND	197	197

### 7. Về vật tư dự trữ PCLB hiện địa phương đang quản lý

TT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng
1	Bao tải PP	005	Cái	143.982
2	Bạt chống sóng (4*25m)	015	m <sup>2</sup>	42.000
3	Bạt chống sóng (4*50m)	016	m <sup>2</sup>	43.000
4	Bạt chống sóng (6*50m)	017	m <sup>2</sup>	14.300
5	Cát vàng	019	m <sup>3</sup>	593

TT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng
6	Đá hộc	021	m <sup>3</sup>	9.393
7	Rọ thép 1m <sup>3</sup> (2x1x0,5)m	032	Cái	1.465
8	Rọ thép 1m <sup>3</sup> (1x1x1)m	033	Cái	1.002
9	Rọ thép 2m <sup>3</sup> (2x1x1)m	034	Cái	1.656
10	Đá dăm	041	m <sup>3</sup>	1.001
11	Áo phao bơi (cứu sinh)	014	Cái	330
12	Dây cáp tời (dài 3,5m, 3 khóa, đôn gánh tầu)	022	Cái	26
13	Dây cáp tời (dài 3,5m, 3 khóa)	022	Cái	3
14	Giống thép	024	Cái	300
15	Nhà bạt (24x7)m	025	Bộ	2
16	Nhà bạt 60 m <sup>2</sup>	026	Bộ	3
17	Pha lăng xích 5 tấn	028	Bộ	4
18	Phao tròn cứu sinh	030	Cái	70
19	Rỗ thép	031	Cái	768
20	Thép sợi	035	kg	1.714
21	Thuồng đào	037	Cái	14
22	Xà beng	040	Cái	14
23	Đinh gim bạt	043	Cái	5.500
24	Vải địa kỹ thuật ART9	150	m <sup>2</sup>	7.000
25	Vải địa kỹ thuật TS40	008	m <sup>2</sup>	7.600

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

